

Số: *15* /2014/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 10 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 11**

(Từ ngày 08 đến ngày 10 tháng 12 năm 2014)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm tra số 47/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa VIII, kỳ họp thứ 11 đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, với các nội dung như sau:

1. Về khung giá các loại đất:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Loại đất	Khung giá đất theo Nghị định số 104/2014/NĐ-CP của Chính phủ		Giá đất năm 2015	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
01	Đất trồng cây hàng năm (gồm: đất trồng lúa, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm còn lại)	15	212	20	70
02	Đất nuôi trồng thủy sản (gồm: đất chuyên tôm, đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa)	12	250	20	70
03	Đất trồng cây lâu năm	15	250	30	120
04	Đất rừng sản xuất (gồm: đất rừng ngập lợ, đất rừng ngập mặn, đất rừng sản xuất kết hợp nuôi trồng thủy sản)	10	142	15	
05	Đất rừng phòng hộ (gồm: đất rừng phòng hộ rất xung yếu và đất rừng phòng hộ xung yếu)				
06	Đất rừng đặc dụng				
07	Đất làm muối	12	142	20	
08	Đất ở tại đô thị				
	- Đô thị loại II	300	45.000	300	30.000
	- Đô thị loại V	50	15.000	70	8.000
09	Đất ở tại nông thôn	40	15.000	70	2.300
	Riêng xã Tắc Vân và xã Lý Văn Lâm của thành phố Cà Mau			200	8.000
10	Đất thương mại dịch vụ				
	- Tại đô thị:				
	+ Đô thị loại II	240	36.000	240	24.000
	+ Đô thị loại V	40	12.000	56	6.400
	- Tại nông thôn	32	12.000	56	1.840
11	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ				
	- Tại đô thị:				
	+ Đô thị loại II	180	27.000	180	18.000
	+ Đô thị loại V	30	9.000	42	4.800
	- Tại nông thôn	24	9.000	42	1.380

2. Về Bảng giá các loại đất:

Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau được ban hành kèm theo Nghị quyết này, gồm:

a) Giá đất ở:

Ban hành mức giá cho 2.377 đoạn đường trên địa bàn tỉnh, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 2.055 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 233 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 03 đoạn đường, bổ sung mới 86 đoạn đường, cụ thể như sau:

- Thành phố Cà Mau có 313 đoạn đường, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 283 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 30 đoạn đường;

- Huyện Thới Bình có 159 đoạn đường, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 144 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 14 đoạn đường, bổ sung mới 01 đoạn đường;

- Huyện U Minh có 262 đoạn đường, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 226 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 25 đoạn đường, bổ sung mới 11 đoạn đường;

- Huyện Trần Văn Thời có 696 đoạn đường, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 670 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 17 đoạn đường, bổ sung mới 09 đoạn đường;

- Huyện Cái Nước có 162 đoạn đường, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 129 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 14 đoạn đường, bổ sung mới 19 đoạn đường;

- Huyện Phú Tân có 200 đoạn đường, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 163 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 37 đoạn đường;

- Huyện Đầm Dơi có 258 đoạn đường, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 200 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 20 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 03 đoạn đường, bổ sung mới 35 đoạn đường;

- Huyện Năm Căn có 237 đoạn đường, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 172 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 61 đoạn đường, bổ sung mới 04 đoạn đường;

- Huyện Ngọc Hiển có 90 đoạn đường, trong đó: Giữ nguyên giá năm 2014 là 68 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 15 đoạn đường, bổ sung mới 07 đoạn đường.

b) Giá đất nông nghiệp:

Cơ bản giữ nguyên giá các loại đất nông nghiệp theo Bảng giá các loại đất năm 2014. Riêng đất rừng sản xuất (gồm: khu vực rừng ngập lợ, khu vực rừng ngập mặn, đất rừng sản xuất kết hợp nuôi trồng thủy sản); đất rừng phòng hộ (gồm: đất rừng phòng hộ rất xung yếu, đất rừng phòng hộ xung yếu); đất rừng đặc dụng được quy định chung một đơn giá là 15.000 đồng/m².

c) Giá đất thương mại dịch vụ:

Tính bằng 80% mức giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

d) Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ:

Tính bằng 60% mức giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

đ) Giá các loại đất phi nông nghiệp còn lại khác:

- Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng các công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng; đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất nghĩa trang, nghĩa địa và đất phi nông nghiệp còn lại khác được tính bằng giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

- Đối với đất sử dụng vào mục đích công cộng kết hợp kinh doanh được tính bằng 60% mức giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

e) Giá đất chưa sử dụng:

Giá đất của loại đất chưa sử dụng được tính bằng giá đất của loại đất cùng mục đích sử dụng tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

3. Về Quy định áp dụng Bảng giá các loại đất:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định áp dụng Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào Nghị quyết này Quyết định công bố Bảng giá các loại đất năm 2015 đúng thời gian theo luật định.

Điều 3. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (BTP);
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, TP. Cà Mau;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Công Bửu